

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ		
					10%					30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)				1	1	1		(10)				
1	1712719925	Vũ Thị Ngọc	Anh	N17DLK1	6	8	9	6		7.7	8.6	8.1	Tám phẩy Một	
2	1713719929	Nguyễn Trọng	Cường	N17DLK1	8	5	7	8		6.7	8.6	8.0	Tám	
3	1712719931	Nguyễn Thị	Điểm	N17DLK1	9	9	6	7		7.3	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
4	1712719933	Phan Thùy	Dung	N17DLK1	10	10	5	6		7.0	9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
5	1712719935	Nguyễn Ngọc	Hân	N17DLK1	8	8	8	7		7.7	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
6	1712719937	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	N17DLK1	8	7	6	6		6.3	6.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
7	1713719946	Phan Xuân	Lâm	N17DLK1	7	7	9	8		8.0	7.4	7.5	Bảy phẩy Năm	
8	1713719950	Lê Thành	Luân	N17DLK1	7	7	7	6		6.7	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
9	1713719949	Trần Bình	Long	N17DLK1	9	8	7	9		8.0	7.8	8.0	Tám	
10	1712719953	Đào Thị Diễm	My	N17DLK1	9	5	7	7		6.3	8.6	8.0	Tám	
11	1712719956	Nguyễn Nhi Trâm	Nhân	N17DLK1	4	9	5	6		6.7	6.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
12	1713719957	Đặng Nguyên Minh	Nhật	N17DLK1	6	10	5	8		7.7	5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
13	1713719964	Trần Hoàng	Phương	N17DLK1	1	8	0	0		2.7	V	0.0	Không	Cấm thi,
14	1713719967	Võ Hồng	Quang	N17DLK1	4	7	6	7		6.7	6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
15	1713719970	Lê Quang	Tâm	N17DLK1	9	9	5	5		6.3	8.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
16	1712719973	Văn Thị Bích	Thảo	N17DLK1	10	10	7	9		8.7	8.2	8.5	Tám phẩy Năm	
17	1713719976	Hồ Vũ Quốc	Thịnh	N17DLK1	8	8	9	8		8.3	8.1	8.2	Tám phẩy Hai	
18	1712719978	Mai Phương	Thúy	N17DLK1	7	7	9	6		7.3	8.8	8.2	Tám phẩy Hai	
19	1712719980	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	N17DLK1	10	9	7	8		8.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
20	1712719984	Chung Nguyệt	Trình	N17DLK1	1	0	9	0		3.0	V	0.0	Không	Cấm thi,
21	1712719989	Huỳnh Thị Phương	Uyên	N17DLK1	10	8	7	8		7.7	6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
22	1713719999	Nguyễn Quang	Vỹ	N17DLK1	8	7	7	7		7.0	7.3	7.3	Bảy phẩy Ba	
23	1712719926	Thái Trịnh Minh	Châu	N17DLK1	6	9	6	7		7.3	8.6	8.0	Tám	
24	1712719936	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	N17DLK2	1	7	0	0		2.3	V	0.0	Không	Cấm thi,
25	1712719939	Lê Thị	Hoa	N17DLK2	6	8	6	7		7.0	7.2	7.0	Bảy	
26	1712719943	Võ Thị	Huệ	N17DLK2	10	7	8	9		8.0	8.8	8.7	Tám phẩy Bảy	
27	1713719945	Đỗ Trọng Anh	Khoa	N17DLK2	7	9	9	8		8.7	6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
28	1713719954	Nguyễn Đức	Nam	N17DLK2	7	10	7	6		7.7	7.4	7.5	Bảy phẩy Năm	
29	1713719955	Lê Trung	Nghĩa	N17DLK2	7	8	7	7		7.3	8.8	8.2	Tám phẩy Hai	
30	1712719959	Trần Lan	Nhi	N17DLK2	10	7	7	8		7.3	8.6	8.4	Tám phẩy Bốn	
31	1713719960	Nguyễn Hoàng	Phú	N17DLK2	7	7	8	7		7.3	6.8	7.0	Bảy	
32	1713719963	Nguyễn Hòa	Phước	N17DLK2	10	10	7	6		7.7	8.4	8.4	Tám phẩy Bốn	
33	1713719966	Trương Hồng	Quang	N17DLK2	8	8	8	9		8.3	8.6	8.5	Tám phẩy Năm	
34	1713719971	Tạ Tấn	Thành	N17DLK2	7	7	9	9		8.3	7.8	7.9	Bảy phẩy Chín	
35	1712719975	Đặng Thị Hồng	Thi	N17DLK2	8	9	6	7		7.3	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
36	1713719981	Nguyễn Trương Anh	Tiến	N17DLK2	10	10	6	6		7.3	8.8	8.5	Tám phẩy Năm	
37	1712719983	Phạm Thị Huyền	Trần	N17DLK2	6	8	8	7		7.7	8.8	8.2	Tám phẩy Hai	
38	1713719986	Nguyễn Cao	Trung	N17DLK2	6	7	8	7		7.3	8.8	8.1	Tám phẩy Một	
39	1713719988	Lê Nam	Ty	N17DLK2	6	9	7	7		7.7	7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1713719990	Bùi Xuân Uyn	N17DLK2	6	5	7	6		6.0	7.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
41	1712719992	Trần Thị Vân	N17DLK2	10	8	9	8		8.3	9.2	9.0	Chín	
42	1713719993	Thân Hoàng Viễn	N17DLK2	6	7	6	7		6.7	8.2	7.5	Bảy phẩy Năm	
43	1713719994	Phạm Hoàng Vũ	N17DLK2	8	9	8	7		8.0	8.8	8.5	Tám phẩy Năm	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	40	93%	
2	Số sinh viên nợ	3	7%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 06 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú